

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kiều N**, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Số 3/33, khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: 1. Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1959.

2/ Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1941.

Cùng nơi cư trú: 91/10, Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1960. Nơi cư trú: 91/10, Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Bà Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 157335, số vào sổ CH00244 do bà Lâm Thị H đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 23, diện tích 34,3m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại khu 5 (khu 6 cũ), thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 16/7/2010.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ nộp 312.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 780.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0014427 ngày 23/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 467.500 đồng (*Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) hoàn trả lại cho bà N.

Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ nộp 312.500 đồng (*Ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*), nhưng do ông T và bà M thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên được miễn toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Văn Phương